TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **---------- ---------- ----------**

Bản án số:**138**/2018/HSST
Ngày: 17/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘICHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Nguyễn Văn Chương***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Bùi Xuân Đãng***

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Trang*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Hùng - KSV.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 125/2018/TLST - HS ngày 23/7/2018 đối với cácbị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM TUẤN A** (tên gọi khác: **Cu**), sinh năm 1996; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 5, thôn Đ, xã D, huyện Thanh Trì, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C; Tiền án: không; Tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0054 lập ngày 28/12/2017 tại Công an huyện T, thành phố Hà Nội.Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã của Công an huyện T từ ngày 27/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH H,** sinh năm1996; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 2, thôn V, xã D, huyện T, Hà Nội;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Q; Tiền án: không; Tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0008 lập ngày 24/11/2017 tại Công an huyện T, thành phố Hà Nội.Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ ngày 22/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Họ và tên: **CHU ĐỨC M,** sinh năm: 1997; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 3, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn T và bà Đặng Thị X ; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 22/5/2018, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 25 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 63/2018/HS – ST ngày 22/5/2018; Danh, chỉ bản số 0090 lập ngày 23/01/2018 tại Công an huyện T thành phố Hà Nội.Bị can hiện đang chấp hành hình phạt tù (theo Bản án số 63/2018/HS – ST ngày 22/5/2018 của Tòa án dân huyện T, thành phố Hà Nội) tại Trại giam T - Bộ công an (có mặt).

4. Họ và tên: **PHAN MẠNH P,** sinh năm: 1997; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 4, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh H và bà Đỗ Thị Thanh H; Tiền án: không; Tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0148 lập ngày 23/3/2018 tại Công an huyện T thành phố Hà Nội.Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

5. Họ và tên: **LÊ NGỌC T,** sinh năm1992; Nơi ĐKNKTT: thôn 4, xã Đ, huyện T, Hà Nội; Chỗ ở: thôn N, xã N, huyện TT, Hà Nội;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc T và bà Phạm Thị D; Tiền án: không; Tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0149 lập ngày 23/3/2018 tại Công an huyện T, thành phố Hà Nội. Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Họ và tên: **ĐẶNG XUÂN K,** sinh năm: 1996; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 2, xã V, huyện, Hà Nội;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Cường và bà Bùi Thị Nhàn; Tiền án: không; Tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0150 lập ngày 23/3/2018 tại Công an huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

<u>Bị hại:</u>

Anh Lê Xuân Q - sinh năm 1994.

Trú tại: Khu 2 xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T - sinh năm 1972

Địa chỉ: Đội 5, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội (có mặt).

2. Bà Bùi Thị Quý - sinh năm 1966

Địa chỉ: Đội 2, thôn V, xã D, huyện T, Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00 ngày 05/7/2017, Phạm Tuấn A cùng Chu Đức M ngồi uống bia tại xã Y, huyện T, Hà Nội, thì chị Hoàng Thị H (Sinh ngày: 24/01/2000; HKTT: Khu 3, xã S, huyện T , tỉnh Phú thọ ; là bạn gái của Tuấn A) gọi điện cho Tuấn A. Chị H kể chuyện bị đối tượng T (hiện chưa xác định) đánh và thách thức. Tuấn A liền bảo M chở Tuấn A về nhà lấy hung khí để tìm đánh T. M nói với Tuấn A cho M đi cùng, rồi M và Tuấn A đi nhờ xe của anh Kim Văn T (Sinh năm: 1997; HKTT: khu tập thể X130, xã N, huyện T, Hà Nội) về dốc xưởng khóa ở đầu làng Đ, xã D, huyện T, Hà Nội. Trên đường đi, Tuấn A gọi điện cho Đặng Xuân K để hỏi mượn hung khí. Kiên nói không có và hỏi Tuấn A đang ở đâu. Tuấn A hẹn gặp K, tại dốc xưởng khóa ở Đ. Khi đến khu vực dốc xưởng khóa, anh T điều khiển xe một mình về nhà. Tại đây, Tuấn A và M gặp Nguyễn Mạnh H đi từ quán bia chợ D lên. Tuấn A bảo H điều khiển xe mô tô chở Tuấn A về nhà để lấy hung khí. H đồng ý và điều khiển xe mô tô đưa Tuấn A về nhà ở Đội 5, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội. Tuấn A vào trong vườn nhà lấy 01 thanh kiếm tự chế (dài khoảng 50 cm) và 03 gậy bóng chày bằng kim loại (dài khoảng 60cm) đã giấu trước đó, rồi cùng H quay lại dốc xưởng khóa. Khi đến nơi, Tuấn Avà H cất số hung khí vừa lấy được vào vệ cỏ bên đường. Cùng lúc này, Phan Mạnh P, Lê Ngọc Th và Đặng Xuân Kcũng đi đến. Tuấn A nói với H, M, K, T, P về việc anh T dọa đánh chị H và rủ tất cả cùng đi tìm đánh T. H, M, K, T, P đồng ý đi cùng với Tuấn A để tìm đánh T. Tuấn A và H liền lấy hung khí vừa cất giấu ra và đưa lại cho K và M. Tuấn A cầm 01 thanh kiếm; H, K, M mỗi người cầm 01 cây gậy bóng chày bằng kim loại. Lúc này, K gọi điện cho anh Lê Hồng P (Sinh năm: 1992; HKTT: Khu 2, thôn T, thị xã P, Phú Thọ) hỏi việc mâu thuẫn giữa T với Tuấn A. Anh P nói sẽ gọi điện lại. Khi chờ anh P gọi điện lại, K và H có dùng gậy bóng chày đập thử vào biển quảng cáo gần đó. Do anh P không gọi điện lại nên Tuấn A nói với cả nhóm đi tìm T để đánh thì cả nhóm đồng ý và cùng đi tìm T để đánh. Sau đó, nhóm của Tuấn A mang theo hung khí đi lên khu trọ gần chợ T để tìm đánh anh T . H điều khiển xe mô tô chở Tuấn A mang theo 01 thanh kiếm và 01 gậy bóng chày. T điều khiển xe mô tô chở K mang theo 01 gậy bóng chày. P điều khiển xe mô tô chở M mang theo 01 gậy bóng chày. Khi đến khu vực phòng trọ cạnh chợ T, cả nhóm cùng đi vào trong sân phòng trọ. Tuấn A cầm 01 thanh kiếm và H cầm 01 gậy bóng chày đi trước. K cầm 01 gậy bóng chày và cùng với M, P, T đi ngay

phía sau. Khi cả nhóm vào đến sân phòng trọ thì nhìn thấy anh Lê Xuân Q (Sinh năm: 1994; HKTT: Khu 2, Thanh Minh, thị xã P, Phú Thọ) có hình xăm trên người đang đứng ở sân. Do nhầm lẫn anh Q là T nên Tuấn A liền cầm kiếm chém anh Q. Anh Q xoay người bỏ chạy thì bị Tuấn A chém trúng lưng. Anh Q tiếp tục bỏ chạy vào trong phòng trọ. Tuấn A, H, M, K, T, c chạy đuổi theo để đánh. Khi anh Q chạy vào trong phòng trọ, Tuấn A dùng kiếm chém vào tay trái và chân anh Q. H dùng gậy bóng chày vụt vào người anh Q. K, T và M chạy vào sau thấy anh Q bị thương tích nặng và có người hô đánh nhầm người nên K, T, P và M ôm giữ, can ngăn Tuấn A không cho tiếp tục đánh anh Q. Anh liền bỏ chạy ra khỏi phòng trọ và được mọi đưa đi cấp cứu tại bệnh viện quân y 103. Sau khi đánh anh Q, nhóm Tuấn A lấy xe mô tô bỏ đi. P điều khiển xe mô tô chở M đi về. Th, K, H và Tuấn A đi về uống nước tại đường N. Sau đó, H chở Tuấn A đi ra khu vực cầu T và vứt toàn bộ hung khí gồm 01 thanh kiếm và 03 gậy bóng xuống sông. Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Tuấn A và H chỉ nơi vứt hung khí và rà soát tại khu vực này nhưng không thu hồi được số hung khí nói trên.

Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 27/7/2017 của bệnh viện Quân y 103 thể hiện: Anh Q vào viện hồi 22h ngày 05/7/2017, trong tình trạng có vết thương phần mềm ngực trái tương ứng khoang gian sườn VII gần đương nách sau (KT 06x01cm, bờ mép tương đối sắc gọn, gỉ máu); Vết thương phần mềm mặt sau trong cổ tay trái (KT 5x3cm, bờ mép nham nhở, lộ gân đứt, máu chảy rỉ rả, mạch quay trái rõ, hạn chế vận động cổ tay trái); Vết thương phần mềm mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái (KT 5x2 cm, bờ mép tương đối sắc gọn, rỉ máu, vận động chủ động chân trái được, mạch mu chân rõ). XQ: không thấy tổn thương xương. Ra viện ngày 10/7/2017.Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 670/TTPY ngày 07/8/2017 của trung tâm pháp y - Sở y tế Hà Nội kết luận thương tích của anh Lê Xuân Quang như sau: Các sẹo vết thương, vết mổ 06%; Đứt cơ gấp cổ tay trụ hiện hạn chế vận động cổ tay, bàn tay trái 06%. Nhiều khả năng các thương tích do vật sắc gây nên. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe 12% tính theo phương pháp cộng lùi.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Tuấn A, Nguyễn Mạnh H, Đặng Xuân K, Chu Đức M, Phan Mạnh P, Lê Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của các bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với chị Hoàng Thị H, qua điều tra xác định do bức xúc với hành vi của đối tượng T nên chị H gọi điện kể lại sự việc trên cho Tuấn A. Chị H gọi điện cho Tuấn A không nhằm mục đích bảo Tuấn Anh đi tìm đánh T. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không xử lý.

Đối với anh Kim Văn T , qua điều tra xác định anh T chỉ chở M và Tuấn Avề dốc xưởng khóa không biết mục đích của Tuấn A và M về dốc xưởng khóa để làm gì nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không xử lý.

Đối với đối tượng T theo lời khai của chị Hoàng Thị H và Phạm Tuấn A là nguyên nhân phát sinh việc gây thương tích, các bị can và những người liên quan không biết họ tên, địa chỉ của T nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Anh Q yêu cầu các bị can phải bồi thường cho Q số tiền là 60.000.000 đồng. Gia đình bị can Nguyễn Mạnh H đã bồi thường cho anh Quang số tiền 30.000.000 đồng. Gia đình bị can Phạm Tuấn A đã bồi thường cho anh Quang số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường, anh Q không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can Tuấn A, H.

Bản cáo trạng số 71B/CT – VKS-TT ngày 12/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Mạnh H , Đặng Xuân K, Chu Đức M, Phan Mạnh P, Lê Ngọc T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại các điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo Tuấn A, H, K, M, P, T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình các bị cáo có khó khăn. Bị cáo K, T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, sau khi gia đình bị cáo Tuấn A và bị cáo H đứng ra bồi thường cho anh Lê Xuân Q thì các bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ tiền bồi thường cho gia đình bị cáo Tuấn A 5.000.000 đồng và gia đình bị cáo H 5.000.000 đồng.

- Người bị hại là anh Lê Xuân Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn xin vắng mặt anh Q xác nhận anh đã nhận được bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn T (bố đẻ bị cáo Tuấn A) trình bày : Ông đã đại diện gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 60.000.000 đồng, đây là tiền tiết kiệm của gia đình ông và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Sau khi gia đình ông đứng ra bồi thường cho bị hại, các bị cáo Lê Ngọc T và Nguyễn Văn K đã tự nguyện thanh toán cho gia đình ông 5.000.000 đ tiền bồi thường.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Q (mẹ đẻ bị cáo H) trình bày: Bà đã đại diện gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền

30.000.000 đồng, đây là tiền tiết kiệm của gia đình bà và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Sau khi gia đình bà đứng ra bồi thường cho bị hại, các bị cáo Lê Ngọc T và Nguyễn Văn K đã tự nguyện thanh toán cho gia đình bà 5.000.000 đ tiền bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, BLHS năm 1999 đối với bị cáo Phạm Tuấn A :

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Anh từ 28 đến 34 tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H từ 26 đến 30 tháng tù

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, Điều 51 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Chu Đức M:

Xử phạt bị cáo M từ 25 đến 30tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 25 tháng tù tại Bản án số 63/2018/HS – ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 50 đến 55 tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, BLHS năm 1999 đối với bị cáo Phan Mạnh P c :

Xử phạt bị cáo Phan Mạnh P từ 24 đến 28 tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 BLHS năm 1999 đối với bị cáo các Lê Ngọc Thao và Đặng Xuân K: Xử phạt bị cáo T và Đặng Xuân K mỗi bị cáo từ 24 đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 56 tháng kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Căn cứ vào các lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai, nhận dạng của người bị hại, người làm chứng; hồ sơ bệnh án, bản kết luận giám định pháp y thương tích của anh Lê Xuân Quang cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa Phạm Tuấn A và anh T (hiện chưa xác định) nên khoảng 19h30' ngày 05/7/2017, Phạm Tuấn A cùng Nguyễn Mạnh H, Đặng Xuân K, Phan Mạnh P, Chu Đức M, Lê Ngọc T rủ nhau đi tìm đánh anh T. H điều khiển xe mô tô chở Tuấn A mang theo 01 thanh kiếm bằng kim loại tự chế và 01 gậy bóng chày; P điều khiển xe mô tô chở M mang theo người 01 gậy bóng chày; T điều khiển xe mô tô chở Kiên mang theo 01 gậy bóng chày, cùng nhau đi đến khu vực chợ T để tìm đánh anh T. Khoảng 20h cùng ngày, khi cả nhóm đến khu phòng trọ tại T, thôn N, huyện N, Hà Nội, thì phát hiện thấy anh Lê Xuân Q đang đứng ở sân. Do nhầm lẫn anh Q là T nên Tuấn A , H, K, P, M, T cùng truy đổi anh Q để đánh. Tuấn A dùng kiếm, H dùng gậy bóng chày đánh anh Q làm Q bị tổn hại sức khỏe 12%.

Mặc dù tỷ lệ tổn hại sức khỏe của những người bị hại dưới 30% nhưng do các bị cáo đã sử dụng kiếm và gậy bóng chày là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người bị hại nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, nay được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành, Bộ luật hình sự năm 2015 đang lùi hiệu lực thi hành. Đến thời điểm Tòa án mở phiên tòa xét xử bị cáo (17/9/2018) thì BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành. Căn cứ vào các quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 thì việc áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có lợi hơn cho các bị cáo, cụ thể:

Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định : *« 2.Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ».*

Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định : *« 2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 đến 06 năm:*

...

đ, Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ a đến điểm k khoản 1 Điều này.»

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có lợi hơn cho các bị cáo để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó cần xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo :

- Tình tiết tăng nặng: Không bị cáo nào bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Tuấn A, H, M, P, T, K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra, các bị cáo Tuấn A và K đã tự nguyện thanh toán một phần tiền bồi thường cho gia đình bị cáo Tuấn A và gia đình bị cáo H nên các bị cáo Tuấn A, H, T, K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Tuấn A và bị cáo H được bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo H, P sau khi có quyết định truy nã của Cơ quan điều tra đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Tuấn A là người khởi xướng và trực tiếp gây thương tích cho người bị hạinên có vai trò cao nhất; Bị cáo H là người cùng với Tuấn A gây thương tích cho người bị hại nên có vai trò thứ hai; Các bị cáo M, P, T, K đã có hành vi cùng với Tuấn A, H mang hung khí đi tìm đánh bị hại nhưng không có hành vi gây thương tích cho bị hại và còn ngăn cản Tuấn A và H nên vai trò các bị cáo này như nhau và đều là đồng phạm giúp sức có mức độ.

[5] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo Chu Đức M ngày 22/01/2018 bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy,Tòa án nhân dân huyện Tì xử phạt 25 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 63/2018/HS – ST ngày 22/5/2018. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo thực hiện sau hành vi phạm tội trong vụ án này nên bản án số 63 nêu trên không tính là tiền án đối với bị cáo.

[6] Về dân sự : Anh Lê Xuân Q yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại do bị gây thương tích 60.000.000 đồng, gia đình bị cáo Tuấn A đã bồi thường cho anh Q số tiền 60.000.000 đồng, gia đình bị cáo H đã bồi thường cho anh Q 30.000.000 đồng. Sau khi được bồi thường anh Q không có yêu cầu gì khác, trong đơn xin xét xử vắng mặt anh Q vẫn giữ ý kiến này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Tuấn A , Nguyễn Mạnh H , Chu Đức M , Phan Mạnh P , Đặng Xuân K , Lê Ngọc T phạm tội"Cố ý gây thương tích".

2. Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46,

Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Tuấn A :

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A **28 (hai mươi tám)**tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt truy nã 26/12/2017.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Mạnh Hùng :

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H **6 (hai mươi sáu)**tháng tù tính từ ngày bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ 22/11/2017.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Chu Đức Mạnh:

Xử phạt bị cáo Chu Đức M **25 (hai mươi lăm)**tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 25 tháng tù tại Bản án số 63/2018/HS – ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **50 (năm mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2018.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phan Mạnh P :

Xử phạt bị cáo Phan Mạnh P **24 (hai mươi tư)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ 02/6/2018.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60, Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Lê Ngọc T và Đặng Xuân K :

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T **24 (hai mươi tư)** tháng tù cho hưởng án treo**,** thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T , thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân K **24 (hai mươi tư)**tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo đã được hưởng.

3. Về án phí: ***Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.***

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo : ***Căn cứ các điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 :***

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân HT, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Trại tạm giam số 01 - Công an TP Hà Nội;*
- *Trại tạm giam số 02 - Công an TP Hà Nội;*
- *Trại giam T - Bộ công an.*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, TP Hà Nội;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương